

Số: 102/CV-DLG

Gia Lai, ngày 30 tháng 07 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Mã chứng khoán: DLG
Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366
Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 2 năm 2021;
- Công văn số 102/2021/CV-DLGL ngày 30/7/2021 về việc giải trình liên quan BCTC quý 2 năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/7/2021 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 2 năm 2021;
- Công văn số 102/2021/CV-DLGL

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CAO CHÂU

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước.

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 2 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

Công ty xin giải trình chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2021 như sau :

I - Tại báo cáo tài chính riêng lẻ quý 2/2021:

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/giảm
		Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	31.092.216.029	79.584.385.835	(48.492.169.806)	(60,93)
2	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	31.092.216.029	79.584.385.835	(48.492.169.806)	(60,93)
3	Giá vốn hàng bán	31.505.664.095	92.882.040.482	(61.376.376.387)	(66,08)
4	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	(413.448.066)	(13.297.654.647)	12.884.206.581	(96,89)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	51.081.284.011	45.355.236.155	5.726.047.856	12,62
6	Chi phí tài chính	63.835.943.485	82.752.829.062	(18.916.885.577)	(22,86)
7	Trong đó: Chi phí lãi vay	51.382.507.785	59.977.393.027	(8.594.885.242)	(14,33)
8	Chi phí bán hàng	38.658.322	67.236.354	(28.578.032)	(42,50)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(71.947.924.829)	159.931.418.545	(231.879.343.374)	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	58.741.158.967	(210.693.902.453)	269.435.061.420	(127,88)
11	Thu nhập khác	4.494.162	17.160.000	(12.665.838)	(73,81)
12	Chi phí khác	3.328.380.614	5.597.248.515	(2.268.867.901)	(40,54)
13	Lợi nhuận khác	(3.323.886.452)	(5.580.088.515)	2.256.202.063	(40,43)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.417.272.515	(216.273.990.968)	271.691.263.483	(125,62)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành				
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.417.272.515	(216.273.990.968)	271.691.263.483	(125,62)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này lãi 55,42 tỷ đồng, do các nguyên nhân chính sau:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kinh doanh gặp nhiều khó khăn, một số ngành nghề tạm dừng hoạt động kinh doanh, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 48,49 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, giá vốn trong kỳ giảm, do không phát sinh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm lỗ 12,88 tỷ đồng với quý 2 năm 2020.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,73 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 12,62% so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lãi suất cho vay theo thị trường.

Chi phí tài chính giảm 18,92 tỷ đồng tương ứng giảm 22,86 % so với cùng kỳ năm 2020, do các khoản vay ngân hàng giảm so với cùng kỳ nên lãi phát sinh giảm. Đồng thời, các khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại các công ty con giảm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 231,88 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do trích lập nợ phải thu khó đòi trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2020 và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập các năm trước.

Chi phí khác giảm 2,27 tỷ đồng tương ứng giảm 40,54% so với cùng kỳ năm 2020, do danh mục tài sản cố định giảm trong quý 3 năm 2020 dẫn đến chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ không sử dụng giảm.

Đây là những nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2021 lãi 55,42 tỷ đồng.

II - Tai báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2021:

STT	CHỈ TIÊU	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/giảm
		Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	482.612.236.031	489.740.477.207	(7.128.241.176)	(1,5)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.176.114.453	1.193.377.954	982.736.499	82,3
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	480.436.121.578	488.547.099.253	(8.110.977.675)	(1,7)
4	Giá vốn hàng bán	420.151.779.790	411.328.117.099	8.823.662.691	2,1
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	60.284.341.788	77.218.982.154	(16.934.640.366)	(21,9)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	59.418.693.569	45.326.142.323	14.092.551.246	31,1
7	Chi phí tài chính	126.612.029.860	109.626.123.590	16.985.906.270	15,5
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(296.754.879)	(262.580.285)	(34.174.594)	13,0
9	Chi phí bán hàng	4.610.797.578	4.782.367.304	(171.569.726)	(3,6)
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(33.387.064.151)	209.672.901.550	(243.059.965.701)	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.570.517.191	(201.798.848.252)	223.369.365.443	
12	Thu nhập khác	3.020.629.930	1.440.133.178	1.580.496.752	109,7
13	Chi phí khác	8.837.435.735	6.652.630.557	2.184.805.178	32,8
14	Lợi nhuận khác	(5.816.805.805)	(5.212.497.379)	(604.308.426)	11,6
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.753.711.386	(207.011.345.631)	222.765.057.017	
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.126.342.215	2.004.592.974	1.121.749.241	56,0
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.707.963.379	4.297.743.640	(2.589.780.261)	(60,3)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.919.405.792	(213.313.682.245)	224.233.088.037	

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế kỳ này lãi 10,92 tỷ đồng, do các nguyên nhân chính sau:

Do tác động của dịch bệnh Covid – 19 tình hình sản xuất, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 7,12 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, giá vốn trong kỳ giảm, do không phát sinh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm lỗ 16,93 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 14,09 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lãi suất cho vay theo thị trường.

Chi phí tài chính trong kỳ tăng 16,98 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2020 do ghi nhận hợp nhất thêm chi phí lãi vay của công ty con.

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm 34 triệu đồng do doanh thu tại công ty liên kết trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 243 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2020 và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước.

Thu nhập khác tăng 1,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 từ việc thanh lý tài sản tại Công ty con.

Chi phí khác tăng 2,1 tỷ đồng do ghi nhận khoản phạt chậm ký hợp đồng tại Công ty con tăng trong kỳ.

Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 2,5 tỷ đồng so với cùng kỳ do hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại công ty mẹ trong kỳ thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020.

Từ các nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2021 tăng 224,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020.

Trên đây là giải trình của công ty chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT.

